

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 29/5/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trang và bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị S, sinh năm 1990 (Có mặt)

HKTT: Thôn K, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Thôn G, xã TT, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn K, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị S có quan điểm:

Chị Hà Thị S và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xảy ra cãi vã, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm vợ con và nhiều lần đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải

nhều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Anh H1, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Phạm Khánh H2, sinh ngày 06/4/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H2 và giao cháu H1 cho anh T nuôi dưỡng. Hiện nay chị S thuê trọ và làm thợ may tại Công ty sản xuất hàng may mặc V ở tỉnh Vĩnh Phúc, với thu nhập khoảng 8-9 triệu đồng/1 tháng. Ngoài ra chị S còn trình bày trong thời gian chị ở Trung Quốc đã có 01 con riêng với người đàn ông khác nhưng không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Phạm Văn T, đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp ý kiến, không đến Tòa án. Phía gia đình anh Phạm Văn T cho biết: Vợ chồng anh T chị S kết hôn từ năm 2012 tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi tổ chức đám cưới, chị S về chung sống với anh T đến năm 2020 thì chị S tự ý bỏ đi nước ngoài lao động khiến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm xa cách. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Anh H1, sinh ngày 26/3/2013 và Phạm Khánh H2, sinh ngày 06/4/2016. Từ tháng 3/2023 gia đình đã nhận thay các văn bản của Tòa án và thông báo cho anh T, quan điểm của anh T là không yêu cầu Tòa án hòa giải, anh T đồng ý ly hôn với chị S và đề nghị mỗi bên nuôi một con.

- Đại diện UBND xã L cung cấp:

Chị Hà Thị S và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì chị S bỏ đi nước ngoài lao động, vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ đó. Anh T vẫn đăng ký thường trú tại địa phương, không có địa chỉ cư trú khác. Vợ chồng chị S anh T có 02 con chung là Phạm Anh H1, sinh ngày 26/3/2013 và Phạm Khánh H2, sinh ngày 06/4/2016. Đề nghị Tòa giải quyết việc ly hôn và giao con theo quy định của pháp luật, cân nhắc việc các bên có đề nghị mỗi bên nuôi một con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện các hành vi, ra các quyết định tố tụng đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị S:

[3.1] Hôn nhân giữa chị Hà Thị S và anh Phạm Văn T là tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, chị S bỏ đi nước ngoài lao động khiến mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2020 và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Như vậy, trong quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng không sống chung với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị S.

[3.2] Về nuôi con chung sau ly hôn:

Chị S và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Anh H1, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Phạm Khánh H2, sinh ngày 06/4/2016. Chị S có nguyện vọng mỗi bên nuôi 01 con, chị nhận nuôi cháu H2 và giao cháu H1 cho anh T nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Bản thân cháu H1 cũng muốn được ở với anh T, còn cháu H2 muốn được ở với chị S. Xét thấy để đảm bảo tốt nhất điều kiện phát triển và ổn định tâm sinh lý cho con chung, giao chị S, anh T mỗi bên nuôi 01 con theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp.

Ngoài ra, chị S còn trình bày chị có 01 con riêng nhưng không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này nên không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[4] Chị Hà Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 54, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị S. Chị Hà Thị S được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Giao con chung là cháu Phạm Anh H1, sinh ngày 26/3/2013 cho anh Phạm Văn T và giao con chung là cháu Phạm Khánh H2, sinh ngày 06/4/2016 cho chị Hà Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Chị S và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Chị Hà Thị S không yêu cầu giải quyết về tài sản.

4. Chị Hà Thị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0023240 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

